

Số: 1926/2022/QĐST-HNGĐ

B, ngày 04 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH Đ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 2623/2022/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Lê Văn S, sinh năm 1973.

Hộ khẩu thường trú: 81A/T, tổ 13, khu phố 1, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

2/ Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: 81A/T, tổ 13, khu phố 1, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

Địa chỉ liên lạc: 662/10/10, tổ 14, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị Y thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị Y thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 03 con chung cháu Lê Thị Tr, sinh ngày 26/10/1996, cháu Lê Thị Chiều X, sinh ngày 17/01/1998 và cháu Lê Hoàng Tuấn A, sinh ngày 16/11/2003.

Đối với 03 con chung cháu Lê Thị Tr, cháu Lê Thị Chiều X và cháu Lê Hoàng Tuấn A đã trưởng thành và có khả năng lao động. Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị Y không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị Y thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung cháu Lê Thị Tr, sinh ngày 26/10/1996, cháu Lê Thị Chiêu X, sinh ngày 17/01/1998 và cháu Lê Hoàng Tuấn A, sinh ngày 16/11/2003.

Đối với 03 con chung cháu Lê Thị Tr, cháu Lê Thị Chiêu X và cháu Lê Hoàng Tuấn A đã trưởng thành và có khả năng lao động. Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị Y không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị Y phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0004255 ngày 13/10/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B được tính trừ vào lệ phí ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị Y đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND xã Th, huyện G, tỉnh Th1;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Kim Dung